

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của Sở Tài chính

Thực hiện Kế hoạch số 867/KH-UBND ngày 22/01/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa về thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, Sở Tài chính xây dựng kế hoạch với những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Cụ thể hóa các nội dung được giao tại Kế hoạch số 867/KH-UBND ngày 22/01/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa, làm căn cứ, cơ sở để kịp thời nắm bắt, triển khai hành động, kết hợp nghiên cứu, phát triển toàn diện kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh, góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Theo đó:

- Phát triển kinh tế số là hoạt động kinh tế sử dụng công nghệ số và dữ liệu số làm yếu tố đầu vào chính, sử dụng môi trường số làm không gian hoạt động chính và sử dụng công nghệ thông tin - viễn thông để đổi mới sáng tạo, cải tiến môi trường làm việc và sản xuất, kinh doanh, giúp tăng năng suất lao động, tạo ra sản phẩm, giá trị mới, tạo động lực tăng trưởng mới, nhằm bảo đảm “kinh tế số” là một trong các nội dung phát triển có tính “đột phá” theo quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Phát triển xã hội số là việc tích hợp công nghệ số vào các hoạt động của xã hội, bảo đảm người dân được kết nối, có khả năng tương tác và thành thạo kỹ năng số để khai thác sử dụng hiệu quả các dịch vụ số, tiện ích số phục vụ nhu cầu giao tiếp, học tập, làm việc, mua sắm, giải trí, cũng như tham gia các hoạt động xã hội khác, từng bước thu hẹp khoảng cách vùng miền, góp phần nâng cao dân trí và chất lượng cuộc sống.

II. MỤC TIÊU CHUNG

1. Phát triển kinh tế số

Phối hợp với các đơn vị liên quan góp phần xây dựng, đạt các mục tiêu cụ thể của tỉnh như sau:

a) Mục tiêu cơ bản đến năm 2025

- Tỷ trọng kinh tế số đạt 15% GRDP;
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 7%;
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 10%;

- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 80%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%;
- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 2%;
- Tỷ lệ sản phẩm thuộc Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) có mặt trên các sàn thương mại điện tử đạt trên 80%.

b) Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

- Tỷ trọng kinh tế số đạt 30% GRDP;
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%;
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 20%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng hợp đồng điện tử đạt 100%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 70%;
- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 3%;
- Tỷ lệ sản phẩm thuộc Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) có mặt trên các sàn thương mại điện tử đạt 100%.

2. Phát triển xã hội số

Phối hợp với các đơn vị liên quan góp phần xây dựng, đạt các mục tiêu cụ thể của tỉnh như sau:

a) Mục tiêu cơ bản đến năm 2025

- Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh đạt 80%;
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt tối thiểu 80%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 30%;
- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 70%;
- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt trên 80%;
- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 70%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản dịch vụ công trực tuyến đạt tối thiểu 80%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 30%;
- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 90%;
- Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 80%;

- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 70%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử đạt tối thiểu 80%.

b) Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

- Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh đạt 95%;

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 95%;

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 70%;

- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 80%;

- Tỷ lệ hộ gia đình có nhu cầu đều được kết nối Internet băng rộng bằng cáp quang hoặc mạng di động 5G đạt 100%;

- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 80%;

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản dịch vụ công trực tuyến đạt trên 90%;

- Tỷ lệ dân số trưởng thành sử dụng nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa đạt tối thiểu 50%;

- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 95%;

- Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 100%;

- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt tối thiểu 95%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử đạt tối thiểu 95%.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Phát triển nền móng kinh tế số và xã hội số

a) Thể chế

- Triển khai, áp dụng chính sách, pháp luật của Trung ương tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức thực hiện.

- Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật trong ngành, lĩnh vực do Sở Tài chính phụ trách, phù hợp với yêu cầu của phát triển kinh tế số, xã hội số của tỉnh, trong đó đặc biệt là các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.

- Phối hợp triển khai Đề án nghiên cứu định hướng và giải pháp phát triển kinh tế số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030.

- Phối hợp xây dựng các chính sách để nâng tỷ lệ hoạt động trực tuyến chiếm tối thiểu 50% các hoạt động trong cơ quan.

b) Hạ tầng

- Phối hợp tổ chức triển khai Chiến lược phát triển hạ tầng số, ưu tiên số hóa lĩnh vực giá, công sản... gắn liền với việc nghiên cứu, triển khai hạ tầng kết nối Internet vạn vật (IoT), bảo đảm đồng bộ, chia sẻ sử dụng có hiệu quả, tránh đầu tư trùng lặp.

- Đẩy mạnh phát triển hạ tầng kết nối số cho người dân, cụ thể nâng cao tốc độ cáp quang băng thông rộng, dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng đối với các ứng dụng, phần mềm do Sở Tài chính triển khai, tạo hạ tầng mềm cho phát triển kinh tế số và xã hội số.

- Chuyển đổi toàn diện mạng thuộc phạm vi quản lý của Sở sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6). Trang thông tin điện tử của Sở cung cấp thông tin, dữ liệu, dịch vụ công, thương mại điện tử,... sử dụng tên miền quốc gia (.vn).

c) Nền tảng số

- Phối hợp tổ chức triển khai các nền tảng số quốc gia theo lộ trình của Bộ, ngành Trung ương; xác định các nền tảng số dùng chung đối với lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của Sở Tài chính, phù hợp với mục tiêu chung của tỉnh.

- Quản lý kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan theo Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ; tiếp tục phát triển mở rộng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu để kết nối đầy đủ với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở của các Bộ, ngành, địa phương khác, nhằm bảo đảm việc chia sẻ thông tin, dữ liệu cho người dân, doanh nghiệp khai thác sử dụng.

- Phối hợp phát triển và phổ cập các nền tảng số phục vụ riêng và cá nhân hóa theo nhu cầu sử dụng của từng lĩnh vực, theo đặc thù của địa phương, bảo đảm tất cả các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh đều được kết nối, tiếp cận và khai thác sử dụng các nền tảng số.

d) Dữ liệu số

- Phối hợp triển khai Chiến lược dữ liệu quốc gia.

- Phối hợp triển khai kế hoạch phát triển dữ liệu và nhân lực phát triển dữ liệu trong các lĩnh vực trọng điểm... bảo đảm dữ liệu được tạo lập tuân thủ theo định dạng máy đọc được, sẵn sàng khả năng chia sẻ, khai thác sử dụng một cách dễ dàng.

- Phối hợp triển khai nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp tỉnh, kết nối liên thông, mở, chia sẻ dữ liệu để tập hợp tài nguyên dữ liệu

trong ngành, lĩnh vực tạo ra các giá trị mới phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.

đ) An toàn thông tin mạng và an ninh mạng

- Phối hợp triển khai Chiến lược an toàn, an ninh mạng quốc gia.
- Triển khai và bảo đảm yêu cầu an toàn thông tin mạng ngay từ khâu thiết kế, xây dựng khi phát triển các hạ tầng số, nền tảng số.
- Phối hợp triển khai phổ cập dịch vụ an toàn thông tin mạng cơ bản giúp người dân phòng, tránh và tự bảo vệ mình trước những nguy cơ, rủi ro và sự cố mất an toàn thông tin mạng.
- Phối hợp triển khai dịch vụ an toàn thông tin mạng chuyên nghiệp giúp tổ chức, doanh nghiệp thực hiện mô hình bảo vệ 04 lớp.
- Triển khai hệ sinh thái tín nhiệm mạng như một chỉ dẫn quan trọng, tạo niềm tin cho người dân trên môi trường số thông qua việc thực hiện đánh giá và dán nhãn tín nhiệm cho Trang thông tin điện tử tổng hợp của Sở, phần mềm ứng dụng và các hệ thống thông tin khác đáp ứng yêu cầu về an toàn thông tin mạng.
- Phối hợp tuyên truyền triển khai ký số từ xa theo hướng ưu tiên phổ cập việc sử dụng chữ ký số cá nhân cho người dân một cách đơn giản, thuận tiện, an toàn và có giá cả phù hợp với thu nhập của người dân.
- Đẩy mạnh triển khai có hiệu quả Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”. Phối hợp triển khai hệ thống định danh và xác thực điện tử của tỉnh, bảo đảm xác thực danh tính số của người dân khi tham gia khai thác các nền tảng số.
- Tăng cường công tác phòng, chống tội phạm công nghệ cao trong các hoạt động kinh tế - xã hội.

e) Nhân lực số

- Bảo đảm nguồn nhân lực số tại chỗ.
- Tăng cường sử dụng hệ thống thư viện điện tử; các nền tảng tài nguyên giáo dục mở; nền tảng quản lý nội dung học tập; nền tảng lưu trữ hồ sơ số trong suốt quá trình học tập, đào tạo.
- Phối hợp tập huấn về kỹ năng số cho CBCC tại cơ quan phục vụ cho phát triển xã hội số.

g) Kỹ năng số, công dân số và văn hóa số

- Phối hợp triển khai chuẩn kỹ năng số, khung kỹ năng số quốc gia và nền tảng sát hạch trực tuyến đánh giá, đo lường kỹ năng số cho từng đối tượng lao động, công chức.
- Phối hợp triển khai nền tảng học trực tuyến mở (MOOC) về kỹ năng số.
- Tham gia đầy đủ các chương trình đào tạo kỹ năng số cơ bản, kỹ năng số nâng cao, kỹ năng kỹ thuật cho các đối tượng là cán bộ lãnh đạo, cán bộ kỹ

thuật, công nghệ thông tin, chuyên trách chuyên đổi số và công chức, người lao động trong cơ quan.

- Phối hợp tuyên truyền các chương trình thúc đẩy phát triển công dân số rộng khắp, mỗi người dân đến tuổi thành niên đều có danh tính số, tài khoản số, phương tiện số và được đào tạo, tập huấn về kỹ năng số, các chương trình hỗ trợ, phổ cập kết nối số cho người dân. Khuyến khích người dân sử dụng các thiết bị IoT để quan trắc, giám sát phục vụ đời sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình.

- Phối hợp triển khai các chương trình phát triển văn hóa số sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. Tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích người dân truy cập Internet, đăng ký tài khoản và sử dụng các dịch vụ số mà trọng tâm là dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ y tế số, giáo dục số, sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và khai thác tiện ích, tài nguyên số trên Internet. Hướng dẫn người dân về các kỹ năng an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để có thể tự bảo vệ tài khoản, dữ liệu của mình trên không gian số và tuân thủ các quy tắc ứng xử trên mạng xã hội. Triển khai nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến người dân, tạo kênh độc lập thu thập, tổng hợp ý kiến phản ánh, đánh giá của người dân liên quan đến các vấn đề đời sống kinh tế, xã hội.

h) Doanh nghiệp số

- Phối hợp tuyên truyền triển khai Chiến lược phát triển công nghiệp công nghệ số Việt Nam; Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.

i) Thanh toán số

- Phối hợp triển khai Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ, Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2021 - 2025 được phê duyệt tại Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Chương trình hành động triển khai thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 – 2025 được ban hành tại Quyết định số 5019/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa.

- Phối hợp triển khai nền tảng hóa đơn điện tử quốc gia, kết nối, liên thông với toàn bộ các cơ quan thuế, cho phép thanh toán hóa đơn điện tử, rút ngắn thời gian giao dịch điện tử.

2. Phát triển kinh tế số và xã hội số ngành, lĩnh vực

- Thiết lập môi trường phù hợp cho đổi mới sáng tạo. Chủ động rà soát, tham mưu và triển khai các chính sách, nhiệm vụ hỗ trợ, thu hút nguồn lực cho phát triển kinh tế số, xã hội số của ngành, lĩnh vực, nhất là việc xây dựng các nền tảng số, ứng dụng số, từng bước kết nối hình thành hệ sinh thái số của ngành, lĩnh vực phục vụ nhu cầu người dân, doanh nghiệp.

- Xây dựng nguồn cơ sở dữ liệu mở của ngành, lĩnh vực tài chính; trong

đó, cơ quan nhà nước với vai trò dẫn dắt, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đóng vai trò nòng cốt kết hợp với sự tham gia tích cực của người dân; bảo đảm thông tin, dữ liệu cung cấp đáp ứng yêu cầu đầy đủ, chính xác, kịp thời và có khả năng tư vấn, dự báo, phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh doanh và nhu cầu đời sống, sinh hoạt hằng ngày.

IV. GIẢI PHÁP

1. Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số cơ quan và vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, bảo đảm công tác chỉ đạo, điều phối đồng bộ về phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

2. Tăng cường hợp tác giữa cơ quan nhà nước với doanh nghiệp nền tảng số trong việc nghiên cứu, phát triển các nền tảng số theo nhu cầu chuyển đổi số thực tiễn của tỉnh; đặc biệt đối với các nền tảng số phục vụ cho hoạt động doanh nghiệp, cho nhu cầu của người dân, được cung cấp, chuyển giao miễn phí hoặc có chi phí thấp, giá cả ưu đãi.

3. Hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp trong việc thu hút nguồn lực, tri thức, chuyển giao công nghệ số.

4. Phối hợp tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về các nền tảng số, các mô hình kinh tế số, xã hội số điển hình trên hệ thống truyền thông.

5. Tham gia các diễn đàn, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, các sự kiện về kinh tế số, xã hội số; lồng ghép nội dung về kinh tế số, xã hội số trong các sự kiện, triển lãm về phát triển kinh tế - xã hội, giới thiệu về quê hương, con người, văn hóa, du lịch Nha Trang – Khánh Hòa.

6. Phối hợp giám sát, kiểm tra việc triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế số, xã hội số, qua đó kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, cũng như điều chỉnh, bổ sung các phương án, giải pháp triển khai cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

7. Duy trì thực hiện tốt việc cung cấp các chỉ tiêu kinh tế số, xã hội số thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm việc đo lường được mức độ phát triển kinh tế số, xã hội số của tỉnh, qua đó kiến nghị điều chỉnh, bổ sung phù hợp.

8. Bảo đảm nguồn kinh phí nhà nước cho các hoạt động phát triển kinh tế số, xã hội số trọng tâm của tỉnh. Bên cạnh việc cân đối, bố trí nguồn ngân sách nhà nước cho hoạt động này.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng Sở

1.1. Tuyên truyền, phổ biến toàn bộ nội dung Kế hoạch số 867/KH-UBND ngày 22/01/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa về thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; Kế hoạch triển khai thực hiện của Sở Tài chính.

- Hình thức: tuyên truyền trên Trang Thông tin điện tử tổng hợp của Sở Tài chính; tuyên truyền thông qua Hệ thống quản lý văn bản E-Office; lồng ghép tuyên truyền trực tiếp vào sáng thứ Năm hằng tuần.

- Thời gian: *trước ngày 05/02/2024*

1.2. Hệ thống thông tin của sở

a) Chuyển đổi toàn diện mạng thuộc phạm vi quản lý của Sở sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6). Trang thông tin điện tử của Sở cung cấp thông tin, dữ liệu, dịch vụ công, thương mại điện tử,... sử dụng tên miền quốc gia (.vn).

- Thời gian: *theo kế hoạch chung của tỉnh*

b) Đảm bảo tốc độ cáp quang băng thông rộng, dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng đối với các ứng dụng, phần mềm do Sở Tài chính triển khai, tạo hạ tầng mềm cho phát triển kinh tế số và xã hội số.

- Thời gian: *thường xuyên*

c) Triển khai và bảo đảm yêu cầu an toàn thông tin mạng ngay từ khâu thiết kế, xây dựng khi phát triển các hạ tầng số, nền tảng số.

d) Triển khai hệ sinh thái tín nhiệm mạng như một chỉ dẫn quan trọng, tạo niềm tin cho người dân trên môi trường số thông qua việc thực hiện đánh giá và dán nhãn tín nhiệm cho Trang thông tin điện tử tổng hợp của Sở và các hệ thống thông tin khác đáp ứng yêu cầu về an toàn thông tin mạng.

- Thời gian: *trước 30/12/2024*

đ) Đẩy mạnh triển khai có hiệu quả Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”. Phối hợp triển khai hệ thống định danh và xác thực điện tử của tỉnh, bảo đảm xác thực danh tính số của người dân khi tham gia khai thác các nền tảng số.

- Thời gian: *thường xuyên hoặc theo kế hoạch chung của tỉnh*

1.3. Đào tạo, tập huấn

Đăng ký cho CBCC trong cơ quan tham gia đầy đủ các chương trình đào tạo kỹ năng số cơ bản, kỹ năng số nâng cao, kỹ năng kỹ thuật cho các cán bộ lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật, công nghệ thông tin, chuyên trách chuyển đổi số và công chức, người lao động trong cơ quan.

- Thời gian: *khi có kế hoạch đào tạo tập huấn của tỉnh*

2. Phòng Quản lý ngân sách; Tài chính hành chính sự nghiệp

Trên cơ sở dự toán kinh phí cho công tác triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa do các đơn vị chủ trì, tổng hợp, cân đối theo khả năng Ngân sách để tham mưu trình cấp thẩm quyền bố trí kinh phí từ nguồn vốn sự nghiệp cho các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh được giao nhiệm vụ thực hiện

theo đúng quy định.

3. Các phòng thuộc sở

- Phối hợp xây dựng các chính sách để nâng tỷ lệ hoạt động trực tuyến chiếm tối thiểu 50% các hoạt động trong cơ quan;

- Phối hợp trong công tác đồng bộ, chia sẻ sử dụng có hiệu quả cơ sở dữ liệu dùng chung do Sở Tài chính triển khai.

- Phối hợp rà soát, tham mưu và triển khai các chính sách, nhiệm vụ hỗ trợ, thu hút nguồn lực cho phát triển kinh tế số, xã hội số của tỉnh, nhất là việc xây dựng các nền tảng số, ứng dụng số, từng bước kết nối hình thành hệ sinh thái số của ngành, lĩnh vực phục vụ nhu cầu người dân, doanh nghiệp.

- Tăng cường thanh toán không dùng tiền mặt, sử dụng các phương tiện thanh toán điện tử ứng dụng công nghệ số như: ví điện tử, mobile banking, internet banking... hoặc thanh toán gián tiếp thông qua các tổ chức tín dụng. Đẩy mạnh thanh toán qua ngân hàng đối với dịch vụ công: thuế, điện, nước, học phí, viện phí và các chương trình an sinh xã hội...

- Phối hợp triển khai nền tảng hóa đơn điện tử quốc gia, kết nối, liên thông với toàn bộ các cơ quan thuế, cho phép thanh toán hóa đơn điện tử, rút ngắn thời gian giao dịch điện tử.

Thời gian thực hiện: *thường xuyên*

4. Chế độ thông tin báo cáo

- Các phòng liên quan thực hiện báo cáo về Văn phòng Sở *trước ngày 15 hàng tháng* đối với các nội dung có liên quan;

- Văn phòng sở: tổng hợp vào báo cáo công tác chuyển đổi số định kỳ *trước ngày 20 hàng tháng* gửi Sở Thông tin và Truyền thông.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các phòng thuộc sở kịp thời phản ánh về phòng Văn phòng để tổng hợp trình Lãnh đạo Sở xem xét, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế triển khai, bảo đảm chất lượng, hiệu quả và đạt mục tiêu Kế hoạch đề ra./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Sở TT&TT;
- Các phòng thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Vĩnh Thông